

Số: /QĐ-SYT

Kon Tum, ngày tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
đợt 20 năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH KON TUM

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-UB ngày 01/11/1991 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thành lập Sở Y tế tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 26/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Xét biên bản họp Tổ thư ký thẩm định hồ sơ cấp, cấp lại giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (họp ngày 27/5/2025) và đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đợt 20 năm 2025 cho 26 cá nhân đủ điều kiện, có thời hạn 05 năm kể từ ngày ban hành quyết định này (danh sách tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Trưởng các tổ chức tham mưu, tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Y tế và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Trang Thông tin điện tử Sở Y tế;
- Lưu: VT, NV.

GIÁM ĐỐC

Võ Văn Thanh

Phụ lục
DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày /5/2025 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Kon Tum)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân/Căn cước			Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số, ký hiệu GPHN	Hình thức cấp
			Số	Ngày cấp	Nơi cấp				
1	A THIÊNG	19/10/1988	062088000185	13/04/2021	Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	000337/KT-GPHN	Cấp lại lần thứ 01
2	ĐÀO THỊ ÁNH TUYẾT	01/04/1991	062191004004	09/05/2021	Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	000338/KT-GPHN	Cấp lại lần thứ 01
3	LÊ ĐÌNH DƯƠNG	26/10/1993	038093021187	13/04/2021	Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	000339/KT-GPHN	Cấp lại lần thứ 01
4	NGUYỄN THỊ THÚY	15/08/1980	034180020458	15/08/2021	Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	000340/KT-GPHN	Cấp lại lần thứ 01
5	PHẠM THỊ NGÀ	07/06/1980	030180017914	19/09/2021	Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội	Hộ sinh	Hộ sinh	000341/KT-GPHN	Cấp lại lần thứ 01
6	Y BÀ	10/08/1984	062184001280	24/10/2024	Bộ công an	Hộ sinh	Hộ sinh	000342/KT-GPHN	Cấp lại lần thứ 01
7	THÂN VĂN PHONG	14/03/1997	062097006054	13/03/2022	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	000343/KT-GPHN	Cấp mới
8	A THOANG	28/11/1980	062080003879	10/05/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Y sĩ	Y sĩ Đa khoa	000344/KT-GPHN	Cấp mới
9	BÙI THỊ THANH XUÂN	08/11/2003	062303000064	25/03/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000345/KT-GPHN	Cấp mới
10	ĐẶNG THỊ THANH THÚY	13/09/1991	030191008248	03/01/2025	Bộ công an	Y sĩ	Y sĩ Đa khoa	000346/KT-GPHN	Cấp mới
11	ĐẶNG TIẾN NHI	17/08/2003	062303005495	04/05/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000347/KT-GPHN	Cấp mới
12	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	06/10/2002	062302000068	25/03/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000348/KT-GPHN	Cấp mới
13	NGUYỄN THẾ PHONG	10/12/2001	062201000161	01/04/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000349/KT-GPHN	Cấp mới
14	NGUYỄN THỊ HẢI HOÀ	15/10/1999	062199001171	10/12/2024	Bộ Công An	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền	000350/KT-GPHN	Cấp mới
15	NGUYỄN THỊ	21/10/1982	040182002527	25/03/2021	Cục cảnh sát quản lý hành	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000351/KT-GPHN	Cấp mới

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân/Căn cước			Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số, ký hiệu GPHN	Hình thức cấp
			Số	Ngày cấp	Nơi cấp				
	HƯỜNG				chính về trật tự xã hội				
16	NGUYỄN THỊ SÂM	20/10/1991	038191042038	26/08/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Y sĩ	Y sĩ đa khoa	000352/KT-GPHN	Cấp mới
17	NGUYỄN VĂN PHÁT	08/10/1998	064098009926	08/11/2023	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	000353/KT-GPHN	Cấp mới
18	PHAN MAI LINH	05/09/2002	062302005155	11/08/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật y	Kỹ thuật hình ảnh y học	000354/KT-GPHN	Cấp mới
19	TỔNG THANH PHONG	30/09/1998	062098005297	09/12/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền	000355/KT-GPHN	Cấp mới
20	TRẦN QUANG KHAI	02/02/1997	062097003976	21/01/2023	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	000356/KT-GPHN	Cấp mới
21	TRẦN THỊ THUY TRANG	13/05/2002	034302012930	27/12/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000357/KT-GPHN	Cấp mới
22	VŨ THẾ VINH	27/12/1999	062099002898	16/12/2022	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	000358/KT-GPHN	Cấp mới
23	Y TUYẾT	26/12/2003	062303002201	01/05/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000359/KT-GPHN	Cấp mới
24	Y XÃN	12/02/2003	062303001505	16/04/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000360/KT-GPHN	Cấp mới
25	TRẦN THUY LINH	16/11/1999	62199005577	25/11/2024	Bộ công an	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	000361/KT-GPHN	Cấp mới
26	BÙI ĐỨC TOÀN	26/09/1994	62094000406	10/04/2021	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản	000362/KT-GPHN	Cấp mới
	Tổng cộng: 26								